TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **04**/2022/DS-ST
Ngày: 01/4/2022
V/V tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Tám

Bà Đặng Thị Tiềm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2021/TLST- DS ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Ấp A1, xã A2, huyện A3, tỉnh Tiền Giang.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà A: Bà Nguyễn B, sinh năm 1977 (theo văn bản ủy quyền đề ngày 24/11/2021);
Địa chỉ: Số 121A, Phạm Thanh, phường B1, thành phố B2, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông C, sinh năm 1984;
Bà D, sinh năm 1988;
Cùng địa chỉ: Ấp C1, xã C2, thị xã C3, tỉnh Tiền Giang.

(Bà B, bà D, ông C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 26/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà A có đại diện theo ủy quyền là bà B trình bày:

Bà A là hụi viên có tham gia góp hụi do ông C và bà D làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Hụi khui ngày 10/02/2019 (Âm lịch), hụi: 2.000.000 đồng, gồm có 31 phần, hình thức khui hụi mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 10 (âm lịch) hàng tháng, khui ở nhà bà D, theo hình thức bóc thăm ai cao thì hốt. Việc đi gom tiền hụi thì có khi bà

D có khi anh C lại nhà bà A để gom tiền hụi, bà A tham gia: 09 phần. Hiện bà A còn 5,5 phần hụi sống. Trong danh sách chơi hụi bà A tham gia với tên gọi là A6. Danh sách hụi viên do chủ hụi lập và giao cho bà A bản photo. Bà A đã đóng được 24 lần hụi sống được số tiền vốn là 211.200.000 đồng. Đến lần khui thứ 26 thì bà D bỏ địa phương đi, lúc đó hụi ngưng không khui nữa. Bà A và ông C, bà D đã chốt hụi với nhau, bà D có viết giấy chốt số tiền hụi còn nợ 211.200.000 đồng.

Ngoài ra, ông C và bà D có mượn của bà A số tiền 10.000.000 đồng trong quá trình chơi hụi, lúc cho mượn tiền thì không có viết biên nhận, lúc mượn thì bà D nói để xoay sở tiền hụi, khi nào cần thì bà A lấy lại, không có lãi suất. Sau đó một tuần thì ông C, bà D có viết giấy xác nhận đã nhận tiền đề ngày 08/4/2021, bà D đại diện viết và ký tên vào giấy xác nhận đã nhận tiền theo đó ông C, bà D còn nợ bà A số tiền hụi 211.200.000 đồng, hứa hàng tháng sẽ trả cho bà A 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ. Nhưng từ tháng 5/2021 cho đến nay thì ông C, bà D không trả tiền cho bà A theo như thỏa thuận. Bà A có nhiều lần yêu cầu ông C, bà D trả tiền nhưng ông C, bà D không trả.

Nên nay bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C và bà D trả cho bà A số là 221.200.000 đồng, yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà D trình bày:

Bà có tổ chức chơi hụi và làm đầu thảo hụi, bà A có tham gia 01 dây hụi như đại điện theo ủy quyền của nguyên đơn bà A là bà B trình bày là đúng. Việc đi gom tiền hụi thì bà D và con bà đi gom. Ông C không có trực tiếp tham gia tổ chức việc chơi hụi, không có đi gom hụi, nhưng ông C có biết việc bà có tổ chức chơi hụi và có biết các hụi viên tham gia chơi hụi. Tiền huê hồng là 800.000 đồng, bà sử dụng số tiền này vào chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Hụi hiện đã ngưng không khui nữa. Bà có vay của bà A số tiền 10.000.000 đồng. Hiện bà còn nợ bà A số tiền tổng cộng là 221.200.000 đồng, giấy xác nhận đã nhận tiền đề ngày 08/4/2021 bà có ký tên, bà đồng ý trả số tiền 221.200.000 đồng cho bà A, nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông C trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà D. Ông có biết việc bà D tổ chức chơi hụi, ông có biết các hụi viên tham gia chơi hụi, nhưng ông không có trực tiếp tham gia kêu hụi hay đi gom hụi, chỉ khi đi ngoài đường gặp thì ông có nhận tiền hụi viên đưa bà D thôi. Chi tiêu sinh hoạt trong gia đình do bà D lo. Ông có biết việc bà D còn nợ tiền hụi của bà A số tiền 221.200.000 đồng. Ông đồng ý trả, nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" và bị đơn bà D và ông C đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp C1, xã C2, thị xã C3, tỉnh

Tiền Giang căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà A có đại diện theo ủy quyền là bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà A có đại diện theo ủy quyền là bà B và bị đơn bà D, ông C thống nhất về việc bà A có tham gia chơi 01 dây hụi do bà D làm đầu thảo, hiện tại dây hụi đã ngưng không khui hụi nữa. Bị đơn bà D, ông C thống nhất còn nợ bà A số tiền là 221.200.000 đồng và bà D có viết giấy xác nhận đã nhận tiền cho bà A vào 08/4/2021. Nay bà D, ông C đồng ý trả số tiền nợ còn thiếu cho bà A là 221.200.000 đồng. Nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, xin được trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù, ông C không trực tiếp tham gia chơi hụi cùng với bà D nhưng bà D sử dụng tiền huê hồng khi làm chủ hụi để đáp ứng các nhu cầu thiết yếu trong gia đình, ông C là chồng của bà D, đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông C phải có nghĩa vụ trả nợ hụi cùng với bà D theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về thời hạn trả nợ: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn A có đại diện theo ủy quyền là bà B yêu cầu bị đơn bà D và ông C trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật số tiền 221.200.000 đồng. Bà D, ông C xin trả dần. Do nguyên đơn và bị đơn không thống nhất thời gian trả số tiền nợ hụi 221.200.000 đồng. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền nợ hụi là do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A. Buộc bị đơn bà D và ông C có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền là 221.200.000 đồng.

[6] Về án phí*:* Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên bị đơn phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 221.200.000 đồng x 5% = 11.060.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 20, Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A.

Buộc bị đơn bà D và ông C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà A số tiền 221.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà D và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.060.000 đồng.

Hoàn trả cho bà A số tiền 5.530.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002142 ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà A (đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn B) và bị đơn bà D, ông C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Kim Thoa